

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1018 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030
của Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Căn cứ Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 5257/TTr-SNN ngày 16 tháng 12 năm 2020; Văn bản 786/SNN-CCKL ngày 02 tháng 3 năm 2021; Văn bản số 1087/SNN-CCKL ngày 23 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành (kèm theo Phương án), với nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu Phương án

a) Mục tiêu chung: quản lý bảo vệ rừng, phát triển và sử dụng bền vững, hài hòa, hiệu quả các mục tiêu về môi trường, kinh tế và xã hội; triển khai thực hiện quản lý, sử dụng đất rừng theo đúng quy hoạch sử dụng đất; tập trung vào công tác bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đảm bảo được chức năng phòng hộ của rừng với vai trò giữ đất, hạn chế xói lở, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nơi cư trú của các loài động vật rừng, thủy hải sản...; chú trọng phát triển lợi thế về du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí, dịch vụ môi trường rừng qua đó từng bước tự chủ về tài chính; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới; tạo việc làm, nâng cao đời sống của người dân trong vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, ổn định tỷ lệ che phủ rừng của địa phương.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế: tạo thêm nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập cho viên chức và người lao động, người dân địa phương, tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực thông qua các hoạt động du lịch sinh thái, bảo vệ rừng, trồng rừng,... Đối với các hoạt động du lịch sinh thái thu hút hàng năm giai đoạn năm 2021 - 2025 khoảng 10.000 lượt khách du lịch, giai đoạn năm 2026 - 2030 khoảng 16.000 lượt khách du lịch. Hệ thống giao thông được cải thiện, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách đi tuần tra bảo vệ rừng được dễ dàng và chủ động kiểm soát rừng.

- Về xã hội: nâng cao, trình độ và nhận thức của người dân thông qua các hoạt động tuyên truyền, tập huấn và chia sẻ lợi ích từ rừng; việc triển khai các dự án du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng sẽ giúp cho sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tham gia vào các hoạt động du lịch, cung cấp dịch vụ. Thu hút nguồn lao động trong vùng tham gia vào các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng, thông qua đó cải thiện thu nhập cho người dân góp phần ổn định xã hội.

- Về môi trường: quản lý và bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có là 4.834,79 ha (diện tích rừng phòng hộ là 4.652,36 ha, diện tích rừng sản xuất là 182,43 ha), nâng cao độ che phủ của rừng tại lâm phần do Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành từ 60,55% (năm 2020) lên 65,22%. Góp phần phòng hộ chắn sóng, hạn chế xói lở, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái đặc trưng. Đồng thời với tỷ lệ rừng che phủ cao sẽ góp phần cải thiện điều kiện tiểu khí hậu khu vực, tạo ra cảnh quan sinh thái đẹp và môi trường sống trong lành trong bối cảnh tác động và ảnh hưởng rộng rãi của biến đổi khí hậu toàn cầu.

2. Các kế hoạch thực hiện phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030

a) Kế hoạch sử dụng đất

Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030, toàn bộ diện tích quản lý 7.573,82 ha. Trong đó, diện tích rừng phòng hộ là 4.594,23 ha, diện tích rừng sản xuất là 312,89 ha và diện tích chưa có rừng là 2.579,38 ha.

b) Kế hoạch khoán bảo vệ rừng

Giao khoán ổn định: Tiếp tục triển khai giao khoán ổn định lâu dài cho các gia đình, tổ chức theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ; khoán ổn định với quy mô diện tích 449,45 ha đất rừng hiện có cho các hộ gia đình, tổ chức để bảo vệ rừng.

c) Kế hoạch quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học

Quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 7.984,56 ha; Hàng năm, đơn vị xây dựng phương án bảo vệ rừng, chống phá rừng, thường xuyên tuần tra canh gác trên địa bàn các khu rừng. Nghiêm cấm săn bắt thú rừng. Nghiêm cấm chặt phá cây rừng và làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên của các khu rừng. Tổ chức học tập chuyên môn nghiệp vụ để tăng cường năng lực cho lực lượng quản lý bảo vệ rừng.

d) Kế hoạch phát triển và sử dụng rừng

- Trồng mới rừng phòng hộ ngập mặn diện tích 50 ha.
- Trồng lại rừng sau khai thác diện tích 45 ha
- Lâm phần tuyển chọn rừng giống diện tích: 05 ha.
- Trồng cây phân định ranh giới 4.600 cây.
- Khai thác lâm sản rừng sản xuất diện tích 45 ha.
- Rà soát quỹ đất trống để trồng rừng thay thế đối với diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

đ) Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực

Nhằm nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học của cán bộ, viên chức và nhân viên đáp ứng được sự phát triển chung của ngành, phấn đấu đủ khả năng hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đóng góp xứng đáng vào quá trình thực hiện các mục tiêu bảo tồn và bền vững, các hoạt động gồm: Đào tạo chuyên sâu lên thạc sĩ các ngành chuyên môn khác liên quan đến nhiệm vụ; tập huấn nghiệp vụ về bảo vệ rừng; tập huấn nghiệp vụ về phòng chống cháy rừng; tập huấn nghiệp vụ về hướng dẫn viên du lịch; tổ chức tham quan học tập các mô hình về quản lý bảo vệ rừng phòng hộ ngập mặn, kết hợp nuôi trồng thủy sản, cho thuê môi trường rừng, du lịch sinh thái,...

e) Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Nhằm tận dụng những lợi thế ưu đãi của cảnh quan thiên nhiên phong phú đa dạng, khí hậu trong lành, vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng hiện có để thực hiện các hoạt động du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí phục vụ nhu cầu chung của khách du lịch trong và ngoài nước. Góp phần cùng với tiềm năng du lịch tỉnh Đồng Nai ngày càng phát triển phong phú và đa dạng. Lập đề xuất bổ sung phạm vi Đề án Phát triển du lịch sinh thái, giải trí, nghỉ dưỡng trên toàn bộ diện tích 7.538 ha (diện tích theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ một phần diện tích 3.100 ha).

g) Kế hoạch sản xuất lâm, nông ngư kết hợp: tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng các mô hình sản xuất nông lâm ngư kết hợp hiệu quả; triển khai nhân rộng các mô hình nông lâm ngư kết hợp hiệu quả; duy trì quỹ đất để sản xuất nông lâm ngư nghiệp kết hợp tăng thu nhập cho các cá nhân nhận khoán để nuôi trồng thủy sản (như: tôm, cá, cua,...) với diện tích mặt nước là 481,35 ha

h) Kế hoạch xây dựng, bảo trì kết cấu hạ tầng

Trên cơ sở đánh giá thực trạng các công trình hạ tầng phục vụ quản lý, bảo



vệ, phát triển và sử dụng rừng đã lập kế hoạch xây dựng hạ tầng gồm: xây dựng chòi canh lửa (01 chòi); xây dựng tháp quan sát (01 tháp); xây dựng Phân trường (01 phân trường); nâng cấp, sửa chữa kè khuôn viên trạm bảo vệ rừng; xây dựng trụ sở làm việc; xây dựng tường rào trụ sở cơ quan; xây dựng bảng tuyên truyền; xây dựng Pano tuyên truyền; xây dựng các mốc ranh giới; khoan giếng sinh hoạt (08 giếng).

i) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

Tuyên truyền giáo dục để người dân địa phương hiểu rõ đích thực các giá trị của tài nguyên rừng, cảnh quan, môi trường của hệ sinh thái rừng cũng như hiểu biết các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường; Góp phần hỗ trợ việc ổn định các hoạt động kinh tế-xã hội và dân cư tránh các áp lực vào tài nguyên; thu hút sự tham gia của người dân vào các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng.

k) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; điều tra, kiểm kê rừng gồm các nội dung như: chương trình theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, điều tra, kiểm kê rừng; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tổng quan tài nguyên rừng vùng lập phương án; điều tra chất lượng rừng trồng thành rừng.

3. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 61.585 triệu đồng (chưa bao gồm vốn đầu tư các dự án du lịch sinh thái).

a) Phân theo giai đoạn

- Giai đoạn 2021 – 2025: 38.802 triệu đồng;

- Giai đoạn 2026 – 2030: 22.784 triệu đồng.

b) Phân theo hạng mục đầu tư

- Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng: 547 triệu đồng;

- Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học: 28.449 triệu đồng;

- Kế hoạch phát triển rừng: 7.389 triệu đồng;

- Kế hoạch khai thác lâm sản: 125 triệu đồng;

- Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực: 1.080 triệu đồng;

- Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: 1.500 triệu đồng;

- Kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng: 18.903 triệu đồng;

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng: 2.592 triệu đồng;

- Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng: 1.000 triệu đồng;

c) Phân theo nguồn vốn

- Ngân sách nhà nước: 46.726 triệu đồng;

- Liên doanh, liên kết: 229 triệu đồng;

- Dịch vụ môi trường rừng: 14.504 triệu đồng;

- Khai thác lâm sản: 125 triệu đồng.

4. Giải pháp thực hiện Phương án

a) Giải pháp về tổ chức quản lý: để nâng cao năng lực và hiệu quả của công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển và sử dụng rừng, Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành sẽ thực hiện kiện toàn, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh theo từng thời kỳ, thời điểm nhất định.

b) Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan: phối hợp thực hiện có hiệu quả Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Long Thành về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành, UBND các xã, thị trấn và các chủ rừng trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn huyện Long Thành; Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch về việc ban hành quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã và đơn vị chủ rừng trong công tác quản lý bảo vệ, phòng chống, chữa cháy rừng, sử dụng rừng phát triển rừng và quản lý lâm sản trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.

c) Giải pháp về khoa học, công nghệ: hình thành và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học kỹ thuật; xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; đầu tư kinh phí để thiết lập các đề tài nghiên cứu.

d) Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn Ngân sách nhà nước: đầu tư cho các hạng mục bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng; vốn Dịch vụ môi trường rừng; vốn khai thác lâm sản; vốn liên doanh, liên kết: đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu vực hợp đồng thuê môi trường như nhà nghỉ mini, nhà dịch vụ, khu vui chơi giải trí, hệ thống đường trục, đường dạo, bãi đỗ xe, hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý rác thải,...

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành: chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này, đảm bảo đúng mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy định hiện hành. Hàng năm xây dựng kế hoạch, phương án, dự án, hồ sơ thiết kế cho từng hạng mục cụ thể trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện; việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc chuyển loại rừng này sang loại rừng khác phải thực hiện đúng theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn khác có liên quan. Định kỳ hàng năm, 05 năm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương, đơn vị liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: có trách nhiệm phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, địa phương, đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành trong quá trình tổ chức thực hiện phương án.

3. Sở Tài chính: trên cơ sở kế hoạch thực hiện hằng năm của đơn vị, căn cứ tình hình ngân sách của địa phương, chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí cho phù

hợp để đơn vị thực hiện phương án.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: trên cơ sở kế hoạch thực hiện hằng năm của đơn vị nếu có hạng mục và công trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công, Sở Kế hoạch và đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đề xuất tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh về khả năng cân đối vốn, bố trí nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công; phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch đề xuất tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các giải pháp đẩy mạnh, thu hút các nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào lĩnh vực du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành.

5. Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, giám sát Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành tổ chức thực hiện phương án.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, gồm: Long Thành, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ; thành phố Biên Hòa phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan thường xuyên đôn đốc, giám sát việc thực hiện Phương án theo đúng các nội dung đã được phê duyệt, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, của huyện đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công thương, Xây dựng, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ và thành phố Biên Hòa; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *SL*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu VT, KTN (Minhdc)

03-2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi